TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HOÀ
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 35/2024/DS-ST
Ngày 12/6/2024
Về việc tranh chấp:
"Hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ -TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Tự.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đào Thị Ngâm.
2. Bà Lê Thị Đông Nguyệt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa : Ông Trần Văn Hữu - Kiểm sát viên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-DS ngày 06/3/2024 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:**

Ngân hàng A; Địa chỉ: đường L, phường T, quận B, TP Hà Nội - Do ông Lê Văn T - Giám đốc Ngân hàng A chi nhánh tỉnh Phú Yên làm đại diện (theo Quyết định 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng N**);**

Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Do ông Trần Hoàng B - Cán bộ pháp chế đại diện (Văn bản ủy quyền ngày 03/4/2024). Có mặt**.**

2. Bị đơn: Ông Trần Mạnh T, sinh năm 1988; Bà La Thị Bích T, sinh năm 1989; và bà Ngô Thị X, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu phố N, phường C, thành phố T, Phú Yên.

Ông T có mặt, bà X và bà T có yêu cầu xét xử vắng mặt**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 01 năm 2024 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, do ông Trần Hoàng B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X có vay vốn tại Ngân hàng A - Chi nhánh Phú Yên theo sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn được Ngân hàng A và ông T ký kết ngày 05/02/2021. Bà T và bà X ủy quyền cho ông T đại diện ký kết theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/02/2021.

Theo đó, số tiền vay vốn là 50.000.000 đồng, mục đích vay vốn để trồng cây quất và trồng hoa, thời hạn vay là 02 năm. Lãi suất tại thời điểm ký kết là 10 %/năm. Hạn trả nợ gốc là ngày 05/02/2023. Vợ chồng ông T, bà T đã nộp cho ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Gnnnnnn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, phát triển nông thôn.

Đến thời hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông T không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết, không trả nợ vay cho ngân hàng. Tính đến ngày 12/6/2024, các cá nhân vay vốn còn nợ ngân hàng số tiền 57.872. 946 đồng trong đó:

- Nợ gốc: 50.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 3.944.110 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 3.928.836 đồng.

Hai bên đã làm việc nhiều lần nhưng không thống nhất được kế hoạch trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết:

Buộc vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền vay tính đến ngày 12/6/2024 là 57.872. 946 đồng*;* trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.928.836 đồng; nợ lãi trong hạn là 3.944.110 đồng .

Kể từ ngày 13/6/2024, vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất cam kết sổ vay vốn, các văn bản thỏa thuận giữa Ngân hàng cho đến khi vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X trả hết nợ cho Ngân hàng A.

Ngân hàng A có quyền giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Gnnnnnn do UBND thị xã Tuy Hòa cấp ngày 10/05/1998 của vợ chồng ông T, bà T cho đến khi khoản vay được trả hết nợ gốc và lãi theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn.

* Bị đơn, ông Trần Mạnh T trình bày: Ông T thừa nhận vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X có vay vốn tại Ngân hàng A theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn được Ngân hàng A và ông T ký kết ngày 05/02/2021. Bà T và bà X ủy quyền cho ông T đại diện ký kết theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/02/2021.

Theo đó, số tiền vay vốn là 50.000.000 đồng, mục đích vay vốn để trồng cây quất và trồng hoa, thời hạn vay là 02 năm. Lãi suất tại thời điểm ký kết là 10 %/năm. Hạn trả nợ gốc là ngày 05/02/2023. Vợ chồng ông T, bà T đã nộp cho ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Gnnnnnn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, phát triển nông thôn.

Quá trình sử dụng vốn, do kinh tế khó khăn nên chỉ trả được một phần tiền lãi, tiền vay gốc vẫn còn. Nay Ngân hàng yêu cầu khởi kiện đòi chúng tôi phải trả là 57.872.946 đồng; trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.928.836 đồng; nợ lãi trong hạn là 3.944.110 đồng là đúng số nợ. Nhưng vì kinh tế gian đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa trình bày ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng là đúng quy định. Đề nghị HĐXX căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Về nội dung**:** Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 01 năm 2024.

Buộc vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X trả cho Ngân hàng A số tiền gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn; nợ lãi trong hạn theo quy định tính đến ngày xét xử sơ thẩm**.**

Nếu vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X chưa thanh toán xong thì phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định**:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ vay vốn tại Ngân hàng, bị đơn cư trú tại: phường C, thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] Bị đơn bà Ngô Thị X, bà La Thị Bích T đã được triệu tập để hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng đều yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ các điều 227 và điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn**.**

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X có vay vốn tại Ngân hàng A - Chi nhánh Phú Yên theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn được Ngân hàng A và ông T ký kết ngày 05/02/2021. Bà T và bà X ủy quyền cho ông T đại diện ký kết theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/02/2021.

Theo đó, số tiền vay vốn là 50.000.000 đồng, mục đích vay vốn để trồng cây quất và trồng hoa, thời hạn vay là 02 năm. Lãi suất tại thời điểm ký kết là 10 %/năm. Hạn trả nợ gốc là ngày 05/02/2023. Vợ chồng ông T, bà T đã gửi cho Ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Gnnnnnn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, phát triển nông thôn.

Quá trình sử dụng vốn, bị đơn chỉ trả được một phần tiền lãi, tiền vay gốc vẫn còn nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn phải phải trả là 57.872. 946 đồng*;* Trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.928.836 đồng; nợ lãi trong hạn là 3.944.110 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Kể từ ngày 13/6/2024, vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất cam kết tại sổ vay vốn, các văn bản thỏa thuận ngày 05/02/2021 giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngân hàng A - Chi nhánh Phú Yên tiếp tục giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G730326 do UBND thị xã Tuy Hòa cấp ngày 10/05/1998 cho vợ chồng ông T, bà T cho đến khi khoản vay được trả hết nợ gốc và lãi theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn thì Ngân hàng A trả lại cho ông T, bà T.

[4] Về án phí**:** Vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng 57.872. 946 đồng nên phải chịu án phí là 2.894.000đ; Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.507.000đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 01 năm 2024.

Buộc vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X trả cho Ngân hàng A số tiền gốc và lãi là 57.872.946 đồng*;* trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.928.836 đồng; nợ lãi trong hạn là 3.944.110 đồng

Kể từ ngày 13/6/2024, vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất cam kết tại sổ vay vốn, các văn bản thỏa thuận ngày 05/02/2021 giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án**.**

Ngân hàng A - Chi nhánh Phú Yên tiếp tục giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G730326 do UBND thị xã Tuy Hòa cấp ngày 10/05/1998 cho vợ chồng ông T, bà T cho đến khi khoản vay được trả hết nợ gốc và lãi theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn thì Ngân hàng A trả lại cho ông T, bà T.

Về án phí**:** vợ chồng ông Trần Mạnh T, bà La Thị Bích T và bà Ngô Thị X phải chịu án phí dân sự 2.894.000đ (Hai triệu tám trăm chín mươi tư nghìn đồng**);** Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.507.000đ (Một triệu năm trăm lẻ bảy nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 0002291 ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án**;** Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án**;**

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP Tuy Hòa;
- Chi cục THA DS TP.Tuy Hòa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Công Tự